

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

Số: 1367/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kon Tum, ngày 29 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách các đơn vị phải chi trả tiền dịch vụ
môi trường rừng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 62/2012/TTLT-BNNPTNT-BTC ngày 16/11/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ tài chính về hướng dẫn cơ chế quản lý sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 3003/QĐ-BNNPTNT-TCLN ngày 29/11/2012; số 1379/QĐ-BNNPTNT-TCLN ngày 18/6/2013; số 5234/QĐ-BNNPTNT-TCLN ngày 08/12/2014 về việc công bố diện tích rừng thuộc các lưu vực làm cơ sở thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-CT ngày 13/10/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 05/2012/QĐ-UBND ngày 17/01/2012 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum; số 242/QĐ-UBND ngày 27/3/2012 Quy định thực hiện thu tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ; số 1229/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 Ban hành Đề án triển khai chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tại Tờ trình số 39/TTr-QBVPTR ngày 23/12/2015 về việc Phê duyệt danh sách các đơn vị phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này danh sách các đơn vị phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2016 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (*chi tiết có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 242/QĐ-UBND ngày 27/03/2012 của UBND tỉnh Quy định thực hiện thu tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công thương, Tài chính; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; các tổ chức có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Tổng cục Lâm nghiệp;
- Quỹ Bảo vệ và PTR Việt Nam;
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và PTR;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN 5,6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Hải

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHẢI CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 29 /12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên cơ sở chi trả tiền DVMTR	Tên đơn vị quản lý	Địa chỉ trụ sở làm việc	Ghi chú
A	Nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum (đối với các lưu vực nằm gọn trong địa phận hành chính tỉnh Kon Tum)			
I	Cơ sở sản xuất thủy điện			
1	Nhà máy thủy điện Plei Krông	Công ty thủy điện Ia Ly - Tập đoàn điện lực Việt Nam	Số 727 Phạm Văn Đồng - TP Pleiku - tỉnh Gia Lai	
2	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Ne	Công ty cổ phần đầu tư điện lực 3	Tầng 6 - Tòa nhà EVN - 78A Duy Tân - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	
3	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Ne 2	Công ty TNHH Gia Nghi	Số 36 - đường Hùng Vương - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum	
4	Nhà máy thủy điện Đăk Pô Ne 2AB			
5	Nhà máy thủy điện Đăk Rơ Sa	Công ty cổ phần thủy điện Đăk Rơ Sa	Số 117 Lê Đại Hành - TP Pleiku - tỉnh Gia Lai	
6	Nhà máy thủy điện Đăk Rơ Sa 2			
7	Nhà máy thủy điện Kon Đào	Công ty Lưới điện cao thế Miền Trung	Số 44A Nguyễn Thành Hân - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	
8	Nhà máy thủy điện Đăk Ne	Công ty cổ phần thủy điện Đăk Ne	Khu Công nghiệp Hòa Bình - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum	
9	Nhà máy thủy điện Đăk Psi 3	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển thủy điện Đăk Psi	Số 762C Phạm Văn Đồng - TP Pleiku - tỉnh Gia Lai	
10	Nhà máy thủy điện Đăk Psi 4			
11	Nhà máy thủy điện Đăk Psi 5	Công ty cổ phần thủy điện Đức Thành	Số 302 Phạm Văn Đồng - TP Pleiku - tỉnh Gia Lai	
12	Nhà máy thủy điện Đăk Pia	Công ty TNHH Trung Việt	T2 - Khu Công nghiệp Hòa Bình - TP Kon Tum - tỉnh Kon Tum	
13	Nhà máy thủy điện Đăk Ter 1	Công ty cổ phần Phú Thịnh Kon Tum	Thôn Đăk Ptrang - Xã Đăk Hà - huyện Tu Mơ Rông - tỉnh Kon Tum	
14	Nhà máy thủy điện Đăk Ter 2			
B	Nộp tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (đối với các lưu vực từ hai tỉnh trở lên)			
I	Cơ sở sản xuất thủy điện			
1	Nhà máy thủy điện Ia Ly	Công ty thủy điện Ia Ly - Tập đoàn điện lực Việt Nam	Số 727 Phạm Văn Đồng - TP Pleiku - tỉnh Gia Lai	Tỷ lệ điều phối: 84,35%
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3			Tỷ lệ điều phối: 83,44%
3	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	Công ty cổ phần thủy điện Sê San 3A	Số 96 Phạm Văn Đồng - TP Pleiku - tỉnh Gia Lai	Tỷ lệ điều phối: 82,98%
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4	Công ty phát triển thủy điện Sê San - Tập đoàn điện lực Việt Nam	Số 114 Lê Duẩn - TP Pleiku - tỉnh Gia Lai	Tỷ lệ điều phối: 78,5%
5	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A	Số 650 Lê Duẩn - TP Pleiku - tỉnh Gia Lai	Tỷ lệ điều phối: 77,92%
6	Nhà máy thủy điện Đăk Mi 4 A, B	Tổng công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Việt Nam- TNHH MTV (IDICO)	Số 151 Nguyễn Đình Chiểu - Phường 6 - Quận 3 - Thành phố Hồ Chí Minh	Tỷ lệ điều phối: 51,90%
7	Nhà máy thủy điện Đăk Mi 4 C			Tỷ lệ điều phối: 48,32%
8	Nhà máy thủy điện Sông Tranh 2	Công ty thủy điện Sông Tranh	Số 04 - Quy Mỹ - Phường Hòa Cường Nam - Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	Tỷ lệ điều phối: 6,82%
9	Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn 5	Công ty cổ phần đầu tư Vĩnh Sơn	Thôn 7 - xã Phú Cát - huyện Quốc Oai - TP Hà Nội	Tỷ lệ điều phối: 0,81%
10	Nhà máy thủy điện Đăk Đrinh	Công ty cổ phần thủy điện Đăk Đrinh	116 Hai Bà Trưng - TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi	Tỷ lệ điều phối: 86,03%
II	Cơ sở sản xuất nước sạch			
1	Nhà máy nước Trà Khúc	Công ty cổ phần đường Quảng Ngãi	Số 02 Nguyễn Chí Thanh - TP Quảng Ngãi - tỉnh Quảng Ngãi	Tỷ lệ điều phối: 42,47%